

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN BC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản số: 76/2024/KDTM-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm;
2. Ông Võ Hoàng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 518/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 434/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C (tên cũ: Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế C).

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cheng Y - Chen, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu B – Nhân viên phòng thu hồi công nợ (Theo giấy ủy quyền số 343.2024/GUQ-COL, ngày 03 tháng

01 năm 2024).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ A.

Địa chỉ: C4/27D quốc lộ 1A, khu phố 3, thị trấn T, huyện BC, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Tần, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

2. Ông Lê Đình T, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Tần, Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V.

Địa chỉ: E1/5B Quốc lộ 50 Ấp 5, xã P, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt M, sinh năm: 1960; Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Tần, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/8/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C (viết tắt Công ty C) do bà Nguyễn Thị Thu B là người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty C là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ A (viết tắt Công ty A) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty A có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã lần lượt ký các 04 (bốn) Hợp đồng cho thuê tài chính gồm:

- Hợp đồng thuê số B160400502 ngày 29/06/2016, tài sản Công ty A thuê là 02 (hai) máy cán T nhỏ thạch cao, xuất xứ: Việt Nam, năm sản xuất: 2016;

- Hợp đồng số B160912802 ngày 23/09/2016, tài sản Công ty A thuê là: 01 (một) Dây chuyền máy cán ống 6x12 và 01(một) máy cán hộp (máy lớn) 5x10;

- Hợp đồng số B170313002 ngày 20/03/2017, tài sản Công ty A thuê là: 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10;

- Hợp đồng số B171120402 ngày 24/11/2017, tài sản mà Công ty A thuê là: 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10.

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty A theo các hợp đồng Cho thuê tài chính nêu trên, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và thư bảo lãnh của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V được lập vào ngày 29/06/2016, ngày 23/09/2016, ngày 20/03/2017 và ngày 24/11/2017 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê đối với tất cả các hợp đồng thuê nêu trên.

Để thực hiện Hợp đồng thuê Công ty C đã ký hợp đồng mua bán với các Công ty sau:

- Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B160400502-PC ngày 04/7/2016 với Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hiệp Phát Đ để mua 02 (hai) máy cán T nhỏ thạch cao, xuất xứ: Việt Nam, năm sản xuất: 2016 để cho Công ty A thuê lại theo hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 29/06/2016 . Công ty A đã ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 22/7/2016. Tổng giá trị tài sản thuê là: 620.000.000 đồng, Công ty A trả trước 155.000.000 đồng, số tiền mà công ty C tài trợ (hay còn gọi là giá trị thuê) là: 465.000.000 đồng Thời hạn thuê là: 42 tháng kể từ ngày 22/7/2016 đến ngày 05/02/2020. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi cộng với biên độ là 2.38%. Theo đó mức lãi suất thuê từ ngày bắt đầu thuê là 9.50%/năm.

- Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B160912802 - PC với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Châu Hoàng L để mua 01 (một) dây chuyền máy cán ống 6x12 và 01(một) máy cán hộp (máy lớn) 5x10 cho Công ty A thuê lại theo hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 ngày 23/9/2016 . Công ty A đã ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 29/9/2016. Tổng giá trị tài sản thuê là: 5.000.000.000 đồng, Công ty A trả trước 1.500.000.000 đồng, số tiền mà công ty C tài trợ: 3.500.000.000 đồng. Thời hạn thuê là: 42 tháng kể từ ngày 29/9/2016 đến ngày 05/4/2020. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi cộng với biên độ là 2.38%. Theo đó mức lãi suất thuê từ ngày bắt đầu thuê là 9.50%/năm.

- Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B170313002 - PC với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khiết T để mua 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10 cho Công ty A thuê lại theo hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 ngày 20/3/2017. Công ty A đã ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 29/3/2017. Tổng giá trị tài sản thuê là: 5.000.000.000 đồng, Công ty A trả trước 1.500.000.000 đồng, số tiền mà công ty C tài trợ: 3.500.000.000 đồng. Thời hạn thuê là: 36 tháng kể từ ngày 29/3/2017 đến ngày 05/4/2020. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi cộng với biên độ là 2.38%. Theo đó mức lãi suất thuê từ ngày bắt đầu thuê là 9.50%/năm.

- Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B171120402 - PC Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân M để mua 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10 cho Công ty A thuê lại theo hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 ngày 24/11/2017. Công ty A đã ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 11/12/2017. Tổng giá trị tài sản thuê là: 5.000.000.000 đồng, Công ty A trả trước 1.500.000.000 đồng, số tiền mà Công ty C tài trợ: 3.500.000.000 đồng. Thời hạn thuê là: 36 tháng kể từ ngày 11/12/2017 đến ngày 20/12/2020. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi cộng với biên độ là 2.37%. Theo đó mức lãi suất thuê từ ngày bắt đầu thuê là 9.50%/năm.

Hằng tháng, Công ty A phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty A trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty A thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty A thanh toán.

Do Công ty A đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 06/01/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty A thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 07/01/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 3.183.350.381 đồng (Ba tỷ một trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với Công ty A để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty A vẫn chưa thanh toán thêm bất kì khoản tiền thuê nào cho Công ty C.

Ngày 13/01/2020, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Theo đó, yêu cầu bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty A còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay các tổ chức và cá nhân trên vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C.

Ngày 07/02/2020, Công ty C phát hành Công văn số 05.2020/CV-ACLA về việc yêu cầu tự nguyện giao trả tài sản thuê yêu cầu Công ty A giao trả toàn bộ các Tài sản thuê nêu trên trước ngày 14/02/2020. Nhưng cho đến nay, Công ty A chưa thực hiện việc giao trả tài sản thuê cho Công ty C.

Ngày 26/07/2021, Công ty C đã tiến hành cầm trừ toàn bộ 1.562.000.000 đồng tiền ký cược bảo đảm theo hợp đồng thuê vào nợ. Tiền ký cược bảo đảm của hợp đồng nào sẽ được trừ vào tiền gốc của hợp đồng đó. Tuy nhiên sau khi cầm trừ khoản tiền này vẫn không đủ thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của Công ty A.

Nay, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

1/ Buộc Công ty A thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty A còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với tổng số tiền vốn và lãi của bốn hợp đồng thuê là: 2.730.026.222đ (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng) cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền lãi là: 20.292.347 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 7.750.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.542.347 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 332.221.869 đồng, trong đó nợ gốc: 83.333.310 đồng, nợ lãi trong hạn là: 83.288.574 đồng, nợ lãi quá hạn là: 165.599.985 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 497.481.490 đồng, trong đó nợ gốc: 176.190.623 đồng, nợ lãi trong hạn là: 92.586.673 đồng, nợ lãi quá hạn là: 228.704.194 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 1.880.030.516 trong đó nợ gốc: 953.177.067 đồng, nợ lãi trong hạn là: 225.024.134 đồng, nợ lãi quá hạn là: 701.829.315 đồng.

Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

2/ Buộc Công ty A thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 24/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại các Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty A không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi hết nợ theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân và Thư bảo lãnh công ty đã ký.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 Công ty C có yêu cầu nếu Công ty A không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ thì buộc Công ty A phải giao trả các tài sản thuê để Công ty C xử lý cầm trừ vào tiền thuê mà Công ty A còn nợ. Tuy nhiên ngày 03/8/2022 Công ty C đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Công ty A giao trả tài sản thuê cho Công ty C để Công ty C xử lý, thu hồi nợ trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A phải trả tiền thuê, tiền lãi thuê, giá trị còn lại và các khoản phải thu khác theo các hợp đồng cho thuê tài

chính số: B160400502 ngày 19/6/2016, số B160912802 ngày 23/9/2016, số B170313002 ngày 20/3/2017 và số B171120402 ngày 24/11/2017. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ A do bà Nguyễn Cẩm H là người đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình Thiêm và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V do bà Lê Thị Minh Nguyệt là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định: Công ty C và Công ty A có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 29/06/2016, tài sản Công ty A thuê là 02 (hai) máy cán T nhỏ thạch cao, xuất xứ: Việt Nam, năm sản xuất: 2016; Hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 ngày 23/09/2016, tài sản Công ty A thuê là: 01 (một) dây chuyền máy cán ống 6x12 và 01 (một) máy cán hộp (máy lớn) 5x10; Hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 ngày 20/03/2017, tài sản Công ty A thuê là: 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10; Hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 ngày 24/11/2017, tài sản mà Công ty A thuê là: 02 (hai) máy cán hộp (máy lớn) 5x10. Các tài sản này được Công ty C (bên mua) ký kết hợp đồng mua bán số B160400502-PC ngày 04/7/2016 với Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hiệp Phát Đ (bên bán); hợp đồng mua bán số B160912802 - PC với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Châu Hoàng L (bên bán); hợp đồng mua bán số B170313002 - PC với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khiết T (bên bán); hợp đồng mua bán số B171120402 - PC Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân M (bên bán).

Vào các ngày 22/7/2016, 29/9/2016, 29/3/2017, 11/12/2017 Công ty A đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu các tài sản thuê. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê thì Công ty A đã không thanh toán tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận. Vào ngày 06/01/2020 Công ty C đã ban hành thông báo số: 02.2020/TB-ACLA chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê đối với Công ty A theo nội dung thông báo thì ngày 07/01/2020 hợp đồng thuê sẽ chính thức chấm dứt vào ngày

07/01/2020. Ngày 07/01/2020 Công ty C đã ban hành Thông báo thanh toán đối với 04 hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên và yêu cầu Công ty A thanh toán tổng số tiền còn thiếu của 04 hợp đồng thuê nêu trên với số tiền tính đến ngày 07/01/2020 là: 3.183.350.381 đồng.

Từ đó cho thấy Công ty A đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản quy định trong hợp đồng cho thuê. Theo quy định tại Mục 26.2 Điều 26 của Hợp đồng thuê thì *“hợp đồng thuê chấm dứt trước hạn khi Bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và các khoản tiền khác quy định trong Hợp đồng thuê trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm đến hạn”*.

Căn cứ vào Phụ lục số 01 của các hợp đồng cho thuê tài chính số: B160400502 ngày 19/6/2016, số B160912802 ngày 23/9/2016, số B170313002 ngày 20/3/2017 và số B171120402 ngày 24/11/2017 thì Công ty A có ký cược bảo đảm số tiền là 1.562.000.000 đồng.

Ngày 26/07/2021, Công ty C đã tiến hành cầm trừ toàn bộ 1.562.000.000 đồng tiền ký cược bảo đảm theo hợp đồng thuê vào tiền nợ.

Tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc đã được Công ty C tính đúng theo sự thỏa thuận của hai bên tại điểm 26.3.1 khoản 26.3 Điều 26 của Hợp đồng thuê và khoản 4, điểm c khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Cụ thể được thể hiện tại bảng tính lãi ngày 23/8/2024 của Công ty C.

Như vậy, Công ty C chấm dứt Hợp đồng thuê và yêu cầu Công ty A phải thanh toán tiền thuê và tiền lãi thuê còn thiếu tạm tính đến ngày 23/8/2024 với tổng số tiền vốn và tiền lãi của 04 hợp đồng thuê nêu trên với số tiền là: 2.730.026.333 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty C tổng số tiền còn nợ của 04 hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 19/6/2016, số B160912802 ngày 23/9/2016, số B170313002 ngày 20/3/2017 và số B171120402 ngày 24/11/2017 tính đến ngày 23/8/2024 là: 2.730.026.333 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng) cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền lãi là: 20.292.347 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 7.750.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.542.347 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 332.221.869 đồng, trong đó nợ gốc: 83.333.310 đồng, nợ lãi trong hạn là: 83.288.574 đồng, nợ lãi quá hạn là: 165.599.985 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 497.481.490 đồng, trong đó nợ gốc: 176.190.623 đồng, nợ lãi trong hạn là: 92.586.673 đồng, nợ lãi quá hạn là: 228.704.194 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 tính đến ngày 23/8/2024 với số tiền là: 1.880.030.516 trong đó nợ gốc: 953.177.067 đồng, nợ lãi trong hạn là: 225.024.134 đồng, nợ lãi quá hạn là: 701.829.315 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty A còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 29/6/2016, phụ lục số 01 ngày 29/6/2016; hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 ngày 23/9/2016, phụ lục số 01 ngày 23/9/2016; hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 ngày 20/3/2017, phụ lục số 01 ngày 20/3/2017 và hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 ngày 24/11/2017, phụ lục số 01 ngày 24/11/2017.

[3]. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Xét thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Thư bảo lãnh Công ty của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Sản xuất V các ngày 29/06/2016, ngày 23/09/2016, ngày 20/03/2017 và ngày 24/11/2017 có nội dung: “ *Bằng thư này bên bảo lãnh đồng ý rằng trong trường hợp Bên thuê không thể thực hiện được bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào trong hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của Bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo Hợp đồng thuê...* ”. Nội dung bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 335, 342 của Bộ luật Dân sự.

Ngày 13/01/2020 Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Theo đó, yêu cầu bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty A còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty C vẫn chưa thu hồi được khoản nợ của Công ty A. Do đó khi Công ty A không thực hiện việc thanh toán hết số nợ cho Công ty C thì bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền nợ Công ty A còn phải thanh toán cho Công ty C .

[4]. Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 Công ty C có yêu cầu nếu Công ty A không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ thì buộc Công ty A phải giao trả các tài sản thuê để Công ty C xử lý cần trừ vào tiền thuê mà Công ty A còn nợ. Tuy nhiên, ngày 03/8/2022 Công ty C đã nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Công ty A giao trả tài sản thuê cho Công ty C để Công ty C xử lý, thu hồi nợ trong vụ án này. Do Công ty C thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản cho thuê do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty A phải chịu án phí (tính trên số tiền phải trả cho Công ty C) là: 86.600.524đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng).

Công ty C không phải nộp án phí, trả lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực ngày 01/7/2024;

- Căn cứ Điều 117, 118, 335, 342, 351 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính;

- Căn cứ khoản 4, điểm c khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ A trả cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C số tiền vốn và tiền lãi còn thiếu tính của 04 (bốn) hợp đồng cho thuê tài chính đến ngày 23/8/2024 là: 2.730.026.222đ (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng) cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 29/6/2016 với số tiền lãi là: 20.292.347 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 7.750.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.542.347 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 ngày 23/9/2016 với số tiền là: 332.221.869 đồng, trong đó nợ gốc: 83.333.310 đồng, nợ lãi trong hạn là: 83.288.574 đồng, nợ lãi quá hạn là: 165.599.985 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 ngày 20/3/2017 với số tiền là: 497.481.490 đồng, trong đó nợ gốc: 176.190.623 đồng, nợ lãi trong hạn là: 92.586.673 đồng, nợ lãi quá hạn là: 228.704.194 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 ngày 24/11/2017 với số tiền là: 1.880.030.516 trong đó nợ gốc: 953.177.067 đồng, nợ lãi trong hạn là: 225.024.134 đồng, nợ lãi quá hạn là: 701.829.315 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty A còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính số B160400502 ngày 29/6/2016, phụ lục số 01 ngày 29/6/2016; hợp đồng cho thuê tài chính số B160912802 ngày 23/9/2016, phụ lục số 01 ngày 23/9/2016; hợp đồng cho thuê tài chính số B170313002 ngày 20/3/2017, phụ lục số 01 ngày 20/3/2017 và hợp đồng cho thuê tài chính số B171120402 ngày 24/11/2017, phụ lục số 01 ngày 24/11/2017.

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này thì bà Nguyễn Cẩm H, ông Lê Đình T và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C số tiền mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn

sản xuất thương mại dịch vụ A còn phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất V phải nộp án phí là: 86.600.524đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng).

- Trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 48.129.044đ (Bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi chín ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số: AA/2019/0078750 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.



Lại Phước Trường